

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-PT

Ngày: 12-7- 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,
Hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoài Nam

Ông Vũ Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 12/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2022 về việc “ Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXPT-HC ngày 06 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐPT-HC ngày 16/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐPT-HC ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: phố B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1962; địa chỉ: Phòng 102 – D10, phố Thái Thịnh, quận Đ, thành H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến Tr - Luật sư thuộc Công ty Luật Trung Nguyễn, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X.

Người có quyền lợi và Nghvụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Anh V - Chủ tịch UBND xã X.

Ông Bùi Ngọc V1, sinh năm 1957; địa chỉ: phố Bùi Chu, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1962; địa chỉ: Phòng 102 – D10, phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Ông Bùi Ngọc V1, sinh năm 1957; địa chỉ: phố Bùi Chu, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông T, ông V1, anh Tr có mặt. Bà B, Chủ tịch UBND xã X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2021 và các văn bản có trong hồ sơ, phía người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Phú T trình bày: Cha đẻ của bà Phạm Thị B là cụ Phạm Văn Ngh (đã chết) - là người sử dụng mảnh đất có diện tích 130m², thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18 tại phố Bùi Chu, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, sau đây gọi tắt là thửa đất số 84. Từ năm 2004 trở về trước, cụ Phạm Văn Ngh (cụ Ngh) là người đứng tên quản lý sử dụng và trực tiếp đóng thuế (gồm, thuế đất ở, quá 5% đất đầu thầu và một số khoản quỹ khác...) đối với thửa đất số 84. Từ năm 2004 đến nay, bà B thay mặt cụ Ngh để trực tiếp quản lý sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai và trực tiếp đóng thuế (gồm thuế đất ở đất đầu thầu và một số khoản quỹ khác...) đối với thửa đất 84 cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do căn nhà cũ trên thửa đất số 84 đã dột nát nên khoảng tháng 10 năm 2020, bà Phạm Thị B đã dỡ và tiến hành cải tạo dựng căn nhà mới để có nơi che nắng che mưa, cũng như đảm bảo nơi thờ cúng đối với cụ Ngh và tổ tiên. Ngày 29/10/2020 UBND xã X ban hành Thông báo số 80/UBND về việc đình chỉ xây dựng công trình nhà ở của ông Bùi Ngọc V1 (sau đây gọi tắt là Thông báo số 80). Căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 1999 xã X ; Bản đồ địa chính đo đạc năm 1999 - Căn vẽ năm 2000 của xã X ; Bản đồ gốc kiểm kê đất năm 2005, trên cơ sở bản đồ đo vẽ năm 1999 - Căn vẽ năm 2000 của xã X và Bản đồ gốc kiểm kê đất năm 2010 trên cơ sở bản đồ kiểm kê đất năm 2005 thì thửa đất số 84 có diện tích 130m² và người sử dụng là cụ Phạm Văn Ngh. Bà B cho rằng, theo nội dung của Thông báo số 80/ UBND xã X chỉ cho phép sửa chữa công trình nhà ở trên diện tích tại thửa số 84 tờ bản đồ số 18 với diện tích quy mô kích thước chiều dài 8m, chiều rộng 3,7m, chiều cao 2,5m là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà B. Ngày 19/11/2020, bà Phạm Thị B đã có đơn khiếu nại với Thông báo số 80 gửi đến Chủ tịch UBND xã X, huyện X , tỉnh Nam Định và nhận được giấy biên nhận Đơn khiếu nại được UBND xã X lập. Ngày 30/11/2020 Chủ tịch UBND xã Xuân Ngọc ban hành Thông báo số 91/TB - UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại ngày 19/11/2020 của bà B (sau đây gọi tắt là Thông báo số 91). Do đã quá thời hạn quy định nhưng Đơn khiếu nại vẫn không được Chủ tịch UBND xã X ban hành quyết định giải quyết nên ngày 23/02/2021, bà B đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện X về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã X do không thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ theo quy định về giải quyết khiếu nại. Ngày 11/5/2021 bà Phạm Thị B nhận được Quyết định số 11/QĐ- UBND

đề ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B thông qua dịch vụ bưu chính, đóng dấu bưu chính gửi tại bưu cục huyện X vào ngày 10/5/2021 (sau đây gọi tắt là - Quyết định số 11). Tại Quyết định số 11 có nội dung: Kết luận.... Việc UBND xã X ra thông báo số 80 -UB là đúng với quy định của cấp trên, việc khiếu nại của bà Phạm Thị B là sai hoàn toàn. Quyết định: Điều 1: Giữ nguyên toàn bộ nội dung thông báo số 80/TB-UBND ngày 29/10/2020 của UBND xã X.

Theo nội dung của Quyết định số 11 nêu trên, bà B cho rằng việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã X, huyện X là thiếu căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, việc chủ tịch UBND xã X không gửi Quyết định số 11 đến bà B hoặc người đại diện theo ủy quyền của bà B trong thời hạn theo quy định của pháp luật hành chính là hành vi không thực hiện nhiệm vụ công vụ, không thực hiện đúng hành vi hành chính theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Hành vi này của Chủ tịch UBND xã X đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Bà Phạm Thị B khởi kiện đối với hành vi hành chính và quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã X. Cụ thể:

1. Buộc Chủ tịch UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định ban hành giải thích và xin lỗi đối với bà Phạm Thị B về việc Chủ tịch UBND xã X, huyện X không gửi Quyết định số 11 về việc giải quyết khiếu nại đến bà Phạm Thị B hoặc người đại diện theo ủy quyền của bà B trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của chủ tịch UBND xã X, huyện X về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B. Buộc chủ tịch UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Tiếp tục giải quyết những nội dung theo đơn khiếu nại ghi ngày 19 tháng 11 năm 2020 của bà Phạm Thị B về việc khiếu nại đối với Thông báo số 80/TB- UBND ngày 19/10/2020 của UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Nguyễn Tiến Tr trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của ông Nguyễn Phú T là người được bà Phạm Thị B ủy quyền. Khi bà Phạm Thị B có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 80 ngày 19/10/2020, bản thân ông đã về gặp trực tiếp và làm việc với ông V là chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà B theo đúng quy định của pháp luật nhưng không được ông V giải quyết. Sau khi Chủ tịch UBND xã X ban hành Quyết định số 11/QĐ-CTUB ngày 15/01/2021 không gửi quyết định cho bà B và người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Nguyễn Phú T theo quy định tại Điều 32 Luật khiếu nại đã vi phạm và xâm phạm đến quyền lợi của bà B. Vì vậy ông đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 32, điểm b, g, h khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, buộc Chủ tịch UBND xã X ra văn bản xin lỗi đối với bà Phạm Thị B về việc chậm gửi Quyết định số 11 giải quyết khiếu nại đến bà Phạm Thị B; Tuyên hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch

UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B. Buộc chủ tịch UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND xã X phải bồi thường do ban hành Quyết định số 11 đã xâm phạm đến quyền lợi của bà Phạm Thị B; Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND xã X.

Tại phiên tòa, mặc dù ông Đỗ Văn V - Chủ tịch UBND xã X đã nhận thiếu sót là gửi Quyết định số 11 chậm so với quy định tại Điều 32 của Luật khiếu nại và xin lỗi công khai tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà B cũng như bà B nhất trí nhưng vẫn đề nghị ông V phải ban hành văn bản xin lỗi.

Tại bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định - ông Đỗ Anh V đại diện theo pháp luật trình bày: Bà Phạm Thị B là con của ông Phạm Văn Nghị là người quê Hà Nam. Khoảng năm 1950 hộ ông Nghị di cư xuống xã X và sinh sống tại bãi sông Ninh Cơ khu vực trước cửa Công ty CP vật tư Xuân Thủy (nay là Công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường). Khoảng những năm 1960 do tình hình bão lũ phức tạp hộ bà B được vận động di chuyển vào trong đê để sinh sống và làm tạm trên diện tích hành lang an toàn giao thông (hành lang an toàn đê) phía trước công ty CP vật tư Xuân Thủy. Bản đồ đo đạc xã X năm 1987 không hiện thị phần diện tích hộ ông Nghị sử dụng; Bản đồ đo đạc năm 1999 phần diện tích hộ ông Nghị sử dụng đăng ký trên bản đồ đo đạc địa chính là thửa đất số 84 tờ bản đồ số 18, diện tích 72 m² đất ở. Kể từ đó đến năm 2004 UBND xã xác định diện tích nộp thuế đất ở đối với hộ ông Nghị là 72 m² bằng 3,1 kg thóc hàng năm. Về quá trình giải quyết vụ việc giai đoạn 2004-2010 chi tiết có bảng kê chi tiết và hồ sơ kèm theo.

Qua thu thập tài liệu và các buổi làm việc với các bên có liên quan ngày 22/02/2005 UBND huyện X có công văn số 30/CV-UB gửi vụ tiếp dân và xử lý đơn thư thanh tra Chính phủ, trong đó có khẳng định đất ông Nghị làm nhà ở không phải là đất tổ tiên để lại, cũng không phải do địa phương xã X cấp mà là diện tích ở “Nhảy dù” bất hợp pháp và toàn bộ diện tích này nằm trong hành lang bảo vệ đê điều, hành lang bảo vệ giao thông đường bộ. Theo Luật đất đai việc có tên trong bản đồ hiện trạng và trong danh sách thu thuế sử dụng đất không phải là những căn cứ khẳng định quyền sử dụng đất hợp pháp của tổ chức hay cá nhân. Vì vậy, hộ ông Nghị trước đây và nay là bà B không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư trên diện tích đang sử dụng.

Phần đất mà gia đình cụ Nghị xây nhà là đất thuộc đất hành lang an toàn giao thông trước đây địa phương đã nhiều lần thuyết phục, vận động gia đình bà B vào một nơi ở khác mà UBND xã X đã bố trí một khu đất riêng nhưng bà B không nghe, không nhất trí.

Ngày 22/10/2020 ông Bùi Ngọc V1 được sự ủy quyền của bà Phạm Thị B đề nghị xin được cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 18 bản đồ xã X lập năm 1999.

Trong khi UBND xã đang củng cố hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng để trả lời nội dung ông đề nghị thì ngày 24/10/2020 ông Bùi Ngọc V1 đã thuê máy móc về phá dỡ phần lán đã xây dựng năm 2008 và tiến hành sửa chữa 1 phần nhà bà B và 1 phần diện tích đất đã lấn chiếm của công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường. UBND xã đã lập biên bản giao trách nhiệm đối với ông Bùi Ngọc V1 chỉ được cải tạo sửa chữa nhà ở của hộ bà B theo nội dung thông báo số 31/TB-UBND của UBND huyện X ngày 17/4/2007 (chiều dài 8m, chiều rộng 3,7m; chiều cao 2,5m);

Ngày 24/10/2020 UBND xã trực tiếp là bà Nguyễn Thị H - Cán bộ địa chính xã đã làm việc giao trách nhiệm cho ông Bùi Ngọc V1. Ngày 28/10/2020 UBND xã tiếp tục mời ông Bùi Ngọc V1 làm việc và đình chỉ việc xây dựng; Ngày 29/10/2020 UBND xã có thông báo số 80/TB-UBND đình chỉ đối với ông Bùi Ngọc V1; Ngày 29/10/2020 UBND xã có báo cáo số 69/BC-UBND V/v xin ý kiến chỉ đạo giải quyết vụ việc hộ bà Phạm Thị B;

Vụ việc có liên quan đến diện tích đất bà Phạm Thị B đang sử dụng đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết kể từ năm 2004 đến năm 2010. Năm 2005 tại công văn số 30/CV-UB ngày 22/02/2005 của UBND huyện X gửi vụ tiếp dân đã khẳng định diện tích đất nói trên là đất nhẩy dù không phải là đất hợp pháp lại thuộc hành lang an toàn công trình giao thông, công trình đề nên không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất. Hiện nay do phía công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường có nguyện vọng đề nghị cấp GCNQSD đất nên đã công nhận đất như hiện trạng, do vậy bà Phạm Thị B tiếp tục đề nghị xin cấp GCNQSD đất, trong khi UBND xã đang củng cố hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng có thẩm quyền thì lại có động thái phá dỡ nhà cũ xây lại không đúng tinh thần nội dung công văn số 31/TB-UBND của UBND huyện X ngày 17/4/2007. UBND xã ra thông báo đình chỉ việc xây dựng thì bà B tiếp tục khiếu nại. Trên cơ sở đơn khiếu nại của bà B ngày 15 tháng 01 năm 2021, ông Đỗ Văn V với tư cách là Chủ tịch UBND xã X đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B.

Ngày 11/5/2021 với cương vị là Chủ tịch UBND xã X ông V đã tiến hành làm việc với ông Bùi Ngọc V1 để giao cho Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 cũng như đề nghị ông Bùi Ngọc V1 gửi quyết định này tới bà Phạm Thị B. Mặt khác ngày 10/5/2021 ông V đã gửi Quyết

định số 11/QĐ- UBND nêu trên cho ông Nguyễn Phú T - là người đại diện theo pháp luật của bà Phạm Thị B.

Bà Phạm Thị B có đơn khởi kiện và yêu cầu ông ban hành giải thích và xin lỗi đối với bà B về việc không gửi Quyết định số 11 trong thời hạn theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị hủy Quyết định số 11/QĐ -UBND ngày 15/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B. Quan điểm của ông là với cương vị là Chủ tịch UBND xã X ông nhận trách nhiệm về việc không gửi kịp thời Quyết định số 11 trong thời hạn theo quy định của pháp luật cho bà Phạm Thị B, với lý do vào thời điểm gần giáp tết Nguyên đán cũng như địa phương đang tập trung vào việc phòng chống dịch Covid, tập trung cho kế hoạch hoàn thành các tiêu chí nông thôn nâng cao. Mặt khác bà Phạm Thị B luôn luôn vắng mặt tại địa phương nên việc liên lạc và làm việc với bà B gặp nhiều khó khăn. Tại phiên tòa hôm nay ông chính thức xin lỗi với bà Phạm Thị B và người đại diện do bà B ủy quyền về việc ông chậm gửi Quyết định số 11/QĐ- UBND ngày 15/01/2021 cho bà Phạm Thị B, ông chính thức có văn bản gửi lời xin lỗi với bà Phạm Thị B. Đối với Quyết định số 11 với tư cách là Chủ tịch UBND xã X ông đã ban hành đúng thủ tục trình tự và đúng thẩm quyền cũng như nội dung, bà B yêu cầu hủy Quyết định số 11 nêu trên ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan, ông Bùi Ngọc VI trình bày: Ông và bà Phạm Thị B là quan hệ hàng xóm, Do nhà bà B xuống cấp bà B có nhờ ông là đứng lên trông nom thợ thuyền để xây nhà cho bà B trên diện tích đất của nhà bà B như tờ bản đồ của tỉnh đã đo vẽ. Vào tháng 10 năm 2020 trước khi làm ông có mang giấy tờ của bà B vào trình bày với UBND xã X trực tiếp là ông V - Chủ tịch UBND xã để xây nhà của bà B, ông V có nói cứ tiến hành xây dựng trong khuôn viên đất của nhà bà B được quyền sử dụng. Hôm sau ông đưa máy để đào móng, máy đang đào móng nhà thì ông V, ông Th ra chụp ảnh rồi về không nói gì với ông. Ngày hôm sau nữa ông T - Phó chủ tịch UBND xã X ra nói với ông là tạm dừng việc xây dựng, khi ông Tuynh nói như thế thì ông cho dừng máy không đào móng nữa. Sau đó UBND xã X ra Thông báo số 80 và giao cho ông thông báo này. Từ đó nhà bà B không tiến hành xây dựng gì nữa. Bà B chỉ nhờ ông trông thợ làm và nhận vật liệu xây dựng hộ. Ông không có liên quan đến vụ án.

Người làm chứng: Bà Lê Thị Ng - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - Là người đại diện hợp pháp của Công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường trình bày: Từ tháng 6 năm 2021 bà nhận Quyết định làm Giám đốc của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Xuân Trường thay cho ông Trần Văn L mà trước đây là Giám đốc của Công ty.

Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Xuân Trường tiền thân là Công ty đại lý cung ứng vật tư Xuân Thủy được thành lập năm 1979, Công ty này gồm có Trạm tư liệu Xuân Trường và Trạm tư liệu Giao Thủy, Trạm vật tư tổng hợp. Trong đó Tư liệu Xuân Trường nằm trên đất xã X mà nay là Công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường. Theo bản đồ địa chính xã X lập năm 1987 thửa đất số 436, tờ bản đồ số 02 diện tích 3.321.0m² trong đó đất vườn 2.721m², ao 600 m²; thửa số 431, tờ bản đồ số 02 diện tích 5.400m², thổ cư 2.189m², ao 3. 220m²; bản đồ không thể hiện đất của cụ Nghĩa. Đến bản đồ lập năm 1999 thửa đất số 80, tờ bản đồ số 18 diện tích đất 8025m², trong đó thổ cư 3.400m², ao 3.835m², vườn 790m². Còn diện tích đất của cụ Nghĩ thửa số 84, tờ bản đồ số 18 diện tích 130m² ở xã X .

Đối với cụ Phạm Văn Ngh theo thông tin cụ là người huyện Hà Nam xuống huyện X để lập nghiệp thời gian không rõ, ban đầu cụ Ngh có căn nhà ở ngoài đê, đến trận lụt năm 1971, gia đình cụ Ngh rời vào bên trong đê và dựng một nhà tường đất lợp rạ nằm trên diện tích đất cụ thể là bao nhiêu chỉ biết bản đồ lập năm 1999 mới thể hiện diện tích là 130m².

Từ những năm 1986, cụ Ngh còn ở nhà rạ cách bức tường của cửa hàng Công ty vật tư khoảng 1m. Nhưng sau đó, để giữ cho sạch sẽ thì phía Công ty đã cho cụ Ngh mượn bức tường của Công ty để làm tường nhà. Cụ Ngh mất khoảng năm 2002, đến năm 2005 gia đình bà B đã đập bức tường mượn này của Công ty, Công ty phát hiện việc này đã làm đơn báo cáo với chính quyền xã X cũng như UBND huyện X để can thiệp và ngày 13/01/2005 Công ty có văn bản báo cáo tiếp sự việc. Sau khi Công ty có văn bản và ý kiến thì UBND xã X đã mời gia đình bà B và đại diện của Công ty là ông Lâm lúc đó tham gia hội nghị, chủ trì Hội nghị là ông Thông chủ tịch xã X , tại buổi làm việc đã thống nhất là đình chỉ việc nhà bà B xây lấn sang đất của Công ty. Sau khi đình chỉ thì bà B không tiến hành xây dựng bất kỳ công trình gì trên phần đất của Công ty.

Sau khi có kết luận của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đo đạc tạm thời xác định lại diện tích hiện trạng của Công ty. Theo quyết định số 334 ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Nam Định thì phần đất bà B lấn chiếm và đào đất làm móng nhà thì phần đất tạm thời không nằm trong diện tích giao cho Công ty thuê nhưng nguồn gốc và thực tế là đất của Công ty được thể hiện ở các bản đồ. Vì vậy, UBND xã X đã đình chỉ việc bà B xây dựng công trình trên phần đất không thuộc quyền sử dụng của nhà bà B.

Việc bà B đào đất để xây móng nhà trên phần đất của Công ty, thực tế đất này là của Công ty từ năm 2020 trở về trước Công ty là người sử dụng và nộp thuế đất hàng năm đầy đủ cho nhà nước với diện tích đất là 8.025m² (trong đó cả phần đất đang tranh chấp), khi mở đường năm 2016 diện tích đất còn lại là

7.348m² lý do diện tích giảm là do mở đường giao thông nên Công ty nộp theo diện tích này, còn từ năm 2021 nộp thuế đất theo bản đồ mới. Năm 2020 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty, khi Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định về đo đạc, khi đo phần đất như hôm Tòa án về đo đạc ngày 25/10/2021, bà B đã nhận phần đất của Công ty, Công ty cho rằng phần đất bà B nhận là không đúng mà là đất của Công ty nên Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định đã tách phần đất đang tranh chấp ra nên hình thể thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Nam Định đã cấp cho Công ty không có phần đất này, diện tích đất của Công ty theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng mà UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 18/6/2021 thửa đất số 245, tờ bản đồ số 18, diện tích là 5.284.1m².

Theo kết quả đo đạc ngày 25/10/2021 thì phần đất tranh chấp diện tích là 112.0m², còn phần đất của nhà B là 52.6m². Theo như bà B nhận diện tích của Công ty là 112m², thì diện tích đất của nhà bà B là 164.6m², như vậy diện tích này tăng 34,6m² so với diện tích 130m² theo bản đồ. Căn cứ vào bản đồ qua các thời kỳ bà B nhận phần đất đằng sau của mình thì không phù hợp với hình thể bản đồ trong khi đó đất của nhà bà B hình thể là hình chữ nhật, diện tích đất nhà bà B giảm đi là khi mở đường giao thông, như vậy không có lý bà B lại nhận lùi vào đất của Công ty được.

Quan điểm của Công ty đối với phần đất mà bà B nhận diện tích 112.0m² như đo đạc ngày 25/10/2021, Công ty không nhất trí đây là đất của Công ty có từ lâu mà qua bản đồ các thời kỳ đã thể hiện, bà B cho rằng đất của mình phải đưa ra các tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ngày 10/11/2021, khi Tòa án mở phiên đối thoại giữa các đương sự, Tòa án có hướng dẫn cho Công ty tôi là người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan có yêu cầu độc lập và yêu cầu Công ty phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Tòa án xem xét. Ý kiến của Công ty tôi là đề nghị Tòa án xác định Công ty là người làm chứng mà tôi là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty khẳng định phần đất bà B nhận là đất của Công ty. Nếu bà B cho rằng phần đất đang tranh chấp với Công ty là của mình thì sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2021 tại thửa đất của bà Phạm Thị B cũng như đất của Công ty CP vật tư tổng hợp Xuân Trường.

Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 85, đứng tên Nghhiện nay là bà Phạm Thị B đang sử dụng và có tứ cận; phía Nam giáp đường tỉnh lộ 489B; phía Bắc giáp đất của Công ty CPVT tổng hợp Xuân Trường, phía Đông giáp với đất của Công ty CPVT tổng hợp Xuân Trường; phía Tây giáp với kho của Công ty CPVT tổng hợp Xuân Trường.

Trên thửa đất ở phía Nam giáp đường có nhà mái ngói 02 gian và 01 gian nhà tạm lợp Pibroximang hướng Nam. Phía sau nhà là đất vườn bà B nhận, có 01 tường bao bà B xây, bà B xác định bức tường này là ranh giới sử dụng đất phía Bắc thửa đất bà sử dụng.

Ranh giới góc Đông Bắc bà B xác định cách bức tường của Công ty vật tư về đất nhà bà B là khoảng cách 50cm, góc Đông Nam là bức tường của nhà B lợp Pibroximang. Nối hai điểm này là ranh giới đất. Phía Đông mà bà B xác định.

Ranh giới đất phía Tây bà B xác định là bức tường nhà mái ngói kèo tre dài từ phía Nam đến phía Bắc đến sát bức tường kho của Công ty vật tư nối với bức tường phía Bắc mà bà B xây.

Ranh giới phía Nam bà B nhận đến sát mé nhà đang sử dụng và mái Pibroximang đang sử dụng.

Đối với Công ty CPVT tổng hợp Xuân Trường xác định:

Ranh giới phía Bắc; Xác định là móng mép ngoài chân tường của 02 gian nhà bà B, phần đất vườn sau nhà bà B nhận thì Công ty vật tư xác định đó là đất của Công ty. Từ điểm chân móng góc nhà phía Đông Bắc kéo về hướng Tây đến điểm góc mái ngói Tây Bắc của nhà bà B là ranh giới đất giữa 2 chủ sử dụng đất.

Ranh giới phía Đông, phần giáp tường nhà lán Pibroximang xây dựng là đất hành lang.

Phía Tây đất của nhà bà B giáp với đất của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Xuân Trường là đất hành lang.

Phần đất phía sau nhà bà B chỉ là vườn chưa đóng cọc bê tông gò.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B. Buộc Chủ tịch UBND xã X - Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Anh V ban hành văn bản xin lỗi đối với bà Phạm Thị B về việc chậm gửi Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại; Bác yêu cầu của bà Phạm Thị B hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định về việc giải quyết khiếu nại; Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/01/2022, ông Bùi Ngọc V1 và ông Nguyễn Phú T làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị tuyên hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X; Lý do của việc kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện X chưa xem xét đánh giá khách quan và đầy đủ các tài liệu

chứng cứ trong vụ án, chưa đúng với thực tiễn diễn biến của vụ án, chưa phù hợp với qui định của pháp luật dẫn đến không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, anh Tr trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm phải đưa Công ty cổ phần vật tư Xuân Trường vào tham gia với tư cách là người có quyền và lợi ích liên quan; Đề nghị áp dụng Điều 241 Luật tố tụng Hành chính hủy bản án sơ thẩm. Lý do hủy bản án là Quyết định giải quyết khiếu nại số 11 là thiếu căn cứ, việc xác định tư cách tham gia tố tụng chưa chính xác. Thửa đất số 84 của cụ Nghđã đứng tên trên các bản đồ và không có tranh chấp nhưng thông báo số 80 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Việc cải tạo sửa chữa nhà của bà B là chính đáng nhưng UBND xã giải quyết chưa dứt điểm. Rất nhiều người làm chứng xác nhận quá trình sử dụng đất của gia đình cụ Ngh không có tranh chấp gì nhưng vẫn chưa được giải quyết, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bé.

Ông Bùi Ngọc V1 trình bày: Việc ban hành Quyết định số 80 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B. Đề nghị Tòa án căn cứ qui định pháp luật hủy quyết định số 11 của UBND xã X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính. Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đương sự phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Ngọc V1 và ông Nguyễn Phú T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi Ngọc V1 và ông Nguyễn Phú T.

[2.1] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X (gọi tắt là Quyết định số 11):

Về thẩm quyền: Ngày 20 tháng 11 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã X đã tiếp nhận đơn khiếu nại của bà Phạm Thị B. Ngày 30 tháng 11 năm 2020, UBND xã X đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu bằng Thông báo số 91. Ngày 15/01/2021, Chủ tịch UBND xã X đã ban hành Quyết định số 11/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B. Như vậy, Chủ tịch UBND xã X ban hành Quyết định

số 11/QĐ- UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011, khoản 4 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền, thủ tục ban hành quyết định.

Về nội dung của quyết định: Từ nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị B, Ủy ban nhân dân xã X đã tiến hành xác minh cụ thể như sau: Tại công văn số 30/CV- UB ngày 22/02/2005 của UBND huyện X về: Vụ tiếp công dân và xử lý đơn thư thanh tra chính phủ”. Về chủ trương, quan điểm và quá trình giải quyết của địa phương về việc đất, nhà ở của bà B. “Đất làm nhà ở của cụ Ngh thuộc dạng bất hợp pháp và làm trong bảo vệ đề điều và hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ. Trước đây địa phương đã nhiều lần giải tỏa nhưng chưa kiên quyết, dứt điểm, ông Ngh và gia đình chưa chấp hành”. “UBND huyện X tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND xã X làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà B và thông qua các tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể nhân dân của xã cũng như phố Bùi Chu tiến hành đối thoại, động viên, thuyết phục bà B nhận thức được cách giải quyết có lý, có tình của chính quyền các cấp về vấn đề nhà đất của mình để bà B tự giác chấp hành không có hành vi vi phạm tiếp theo góp phần đảm bảo an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội tại đại phương”; Thông báo số 23/TB - UBND ngày 23/3/2008 của UBND huyện X : “ Năm 2005, bà Phạm Thị B - phố Bùi Chu, xã X đã tự ý phá hàng rào và xây dựng nhà trên diện tích đất của Công ty cổ phần vật tư Xuân Trường. Đây là hành vi vi phạm pháp luật, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã X đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật đó của bà Phạm Thị B.”; Ngày 16/4/2007, bà Phạm Thị B có giấy cam kết về việc xây dựng nhà ở thuộc phố Bùi Chu. “Trước đây bố con bà B có sử dụng diện tích đất giáp đường 51A và đã dựng nhà ở chiều dài 8m, 3,7m và căn nhà bếp để bố con bà B sử dụng. Năm 2003, bố bà B qua đời, vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn không có điều kiện sửa chữa. Ngôi nhà đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng không thể ở được nữa, bà B đã làm đơn với các cơ quan chức năng để sửa chữa lại để bà B ở. Khi chưa được phép thì gia đình bà B đã tháo dỡ nhà cũ để xây tạm nhà mới. Bà B xin cam kết sau này nhà nước mở rộng đường giao thông bà B không yêu cầu nhà nước đền bù chất liệu xây dựng nhà.” Tại thông báo số 31/TB - UBND ngày 17/4/2007, của UBND huyện X về việc sửa chữa nhà bà Phạm Thị B xã X được tu sửa ở tạm trên cơ sở nền nhà cũ, có kích thước, chiều dài 8m, chiều rộng 3,7m, tường cao 2,5 m (kể từ mặt nền mới). Qua xem xét hồ sơ được lưu trữ tại xã X và kiểm tra thực địa diện tích đất cũng như nhà đang sử dụng của gia đình ông Bùi Ngọc V. Tổ công tác xác minh của xã đi đến thống nhất. Việc UBND xã X có Thông báo số 80/TB- UB ngày 29/10/2020 đối với ông Bùi Ngọc V1 chỉ được sửa chữa công trình nhà ở trên nền diện tích đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 18 với quy mô kích: Chiều dài 8m, chiều rộng 3,7m, tường cao 2,5 m là đúng quy định. Khi phát hiện ông Bùi Ngọc V1 lấn diện tích, theo như thông báo số 31/TB- UBND huyện X , UBND xã yêu cầu ông Bùi Ngọc V1 dừng mọi hoạt động đào, đắp, xây dựng... ngoài khuôn viên diện tích đất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ và các văn bản trên, UBND xã X ra thông báo số 80/TB- UB là đúng với quy định của pháp luật.

Ông Bùi Ngọc V1 cho rằng ông không liên quan đến vụ án, ông được bà B ủy quyền trông nom xây dựng tu sửa, nâng cấp nhà cho bà B ngoài phạm vi được sử dụng, nhưng ông V1 đã đào đất để xây dựng công trình trên phần đất đang tranh chấp. HĐXX xác định ông V1 là người có quyền lợi và Nghvụ liên quan vì ông là người được bà B ủy quyền việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cho nhà bà B. Ông V1 là người đưa máy vào đào đất để làm móng nhà không trong khuôn viên đất mà bà B được sử dụng mà đào đất phần đất này là đất đang tranh chấp với Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Xuân Trường. Ngày 24 tháng 10 năm 2021 và ngày 28 tháng 10 năm 2020, UBND xã X đã lập biên bản làm việc và giao trách nhiệm cho ông V1 là phù hợp.

Bà Phạm Thị B cho rằng Quyết định số 11 ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND xã X ban hành đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà và bà yêu cầu Chủ tịch UBND xã X phải bồi thường. Từ những phân tích lập luận trên yêu cầu của bà B buộc Chủ tịch UBND xã X phải bồi thường thiệt hại là không có căn cứ, chưa có thiệt hại xảy ra nên yêu cầu của bà B không được chấp nhận. Hành vi của Chủ tịch UBND xã X ban hành Quyết định số 11/QĐ - UBND ngày 15/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị B đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của bà Phạm Thị B hủy Quyết định số 11/QĐ - UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Quyết định hành chính được ban hành sau khi có khiếu nại có nội dung giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định thì cũng được coi là quyết định hành chính. Trong vụ án này, khi bà Phạm Thị B khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn cho bà B khởi kiện quyết định hành chính là Thông báo số 80/TB-UB ngày 19/10/2020 (gọi tắt là Thông báo số 80) của UBND xã X chứ không phải khởi kiện Quyết định số 11/QĐ - UBND ngày 15/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị B. Theo qui định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tổ tụng Hành chính Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan. Trong bản án sơ thẩm, Tòa án không nhận định cụ thể về tính hợp pháp của Thông báo số 80 nhưng đã nhận định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền khi ban hành Thông báo số 80. Tại Quyết định số 11 đã quyết định giữ nguyên nội dung của Thông báo số 80. Vì vậy, về bản chất của các văn bản hành chính là không thay đổi. Tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX đã giải thích vấn đề này cho các đương sự, các đương sự không có đề nghị gì khác. Như vậy, quyền của các đương sự trong quá trình tố tụng vẫn được đảm bảo.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án đã xem xét giải quyết buộc Chủ tịch UBND xã X, huyện X , tỉnh Nam Định ban hành giải thích và xin lỗi đối với bà Phạm Thị B về việc không gửi Quyết định số 11 cho bà Phạm Thị B hoặc người đại diện theo ủy quyền của bà B trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Mặc

dù, nội dung này không nằm trong yêu cầu kháng cáo của đương sự nhưng cấp phúc thẩm cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm. Bởi lẽ, theo qui định tại Điều 17 Luật bồi thường nhà nước thì phạm vi trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính không qui định việc công khai xin lỗi. Theo qui định tại khoản 4 Điều 33 Luật bồi thường nhà nước thì UBND cấp xã là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình. Tuy nhiên, việc Chủ tịch UBND xã X đã nhận thiếu sót gửi quyết định số 11 chậm so với qui định và xin lỗi công khai đối với bà B. Việc xin lỗi công khai của Chủ tịch UBND xã X là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Ông Nguyễn Phú T, ông Bùi Ngọc V1 kháng cáo với nội dung: Đề nghị tuyên hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X ; Lý do của việc kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện X chưa xem xét đánh giá khách quan và đầy đủ các tài liệu chứng cứ trong vụ án, chưa đúng với thực tiễn diễn biến của vụ án, chưa phù hợp với qui định của pháp luật dẫn đến không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông V1 không đưa ra được những căn cứ pháp lý để hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND xã X. HĐXX, quyết định bác kháng cáo của ông T và ông V1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30; khoản 01 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Phú T và ông Bùi Ngọc V1; Giữ nguyên quyết định của bản án bản án sơ thẩm.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND xã X, huyện X , tỉnh Nam Định.

Chấp nhận sự tự nguyện xin lỗi công khai của Chủ tịch UBND xã X, huyện X đối với bà Phạm Thị B về việc chậm gửi Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Những người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND huyện X ;
- Chi cục THADS huyện X
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Mai Anh Tuấn